

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho vay hộ nghèo
và các đối tượng chính sách khác năm 2013**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 13/5/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định, về việc phân bổ vốn cho vay giải quyết việc làm năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 1511/QĐ-UBND ngày 10/6/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định, về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch dư nợ cho vay hộ nghèo, cận nghèo vốn Trung ương năm 2013;

Xét đề nghị của Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội huyện tại Tờ trình số 82/TTr-NHCS ngày 28/6/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác năm 2013 (có bảng điều chỉnh kèm theo).

Điều 2. Giao Chủ tịch UBND các xã, thị trấn, phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội huyện, phân bổ chỉ tiêu được giao đến các thôn trong xã và triển khai cho vay đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Phạm Tích Hiếu;
- Lưu VP.

(Handwritten initials)



Phạm Tích Hiếu

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2013
(Kèm theo Quyết định số 144 ngày 05/7/2013 của UBND huyện Tuy Phước)

SỐ TT	CHỈ TIÊU	PHƯỚC THUẬN	PHƯỚC THẮNG	PHƯỚC THÀNH	PHƯỚC SƠN	PHƯỚC AN	PHƯỚC HOÀ	TT.TUY PHƯỚC	PHƯỚC LỘC	TT. D. TRÌ	PHƯỚC NGHĨA	PHƯỚC HIỆP	PHƯỚC QUANG	PHƯỚC HUNG	TỔNG CỘNG
I	Chỉ tiêu đã phân bổ	8,518	5,159	7,905	13,275	5,424	6,288	3,280	5,295	3,740	1,714	6,673	5,531	2,807	75,609
1	Hộ nghèo (Vốn TW)	8,350	4,850	7,480	12,857	5,270	6,150	1,400	4,650	1,900	600	6,350	5,350	2,183	67,390
2	Cho vay hộ cận nghèo							200		200	200			150	750
3	Cho vay giải quyết việc làm	168	309	425	418	154	138	1,680	645	1,640	914	323	181	474	7,469
	_ Vốn trung ương	68	309	295	418	84	138	1,220	487	1,235	647	323	181	474	5,879
	_ Vốn địa phương	100		130		70		460	158	405	267				1,590
II	Chỉ tiêu điều chỉnh	8,414	4,380	7,288	12,809	4,959	7,507	2,652	5,044	3,341	1,195	8,393	5,927	3,700	75,609
1	Hộ nghèo (Vốn TW)	7,274	3,680	6,038	11,009	4,204	6,337	1,172	4,064	1,461	345	7,613	5,308	2,885	61,390
2	Cho vay hộ cận nghèo	940	400	720	1,300	455	870	30	420	280	100	480	340	415	6,750
3	Cho vay giải quyết việc làm	200	300	530	500	300	300	1,450	560	1,600	750	300	279	400	7,469
	_ Vốn trung ương	100	300	400	500	200	300	1,000	400	1,200	500	300	279	400	5,879
	_ Vốn địa phương	100		130		100		450	160	400	250				1,590
III	Tăng, Giảm	-104	-779	-617	-466	-465	1,219	-628	-251	-399	-519	1,720	396	893	0
1	Hộ nghèo (Vốn TW)	-1,076	-1,170	-1,442	-1,848	-1,066	187	-228	-586	-439	-255	1,263	-42	702	-6,000
2	Cho vay hộ cận nghèo	940	400	720	1,300	455	870	-170	420	80	-100	480	340	265	6,000
3	Cho vay giải quyết việc làm	32	-9	105	82	146	162	-230	-85	-40	-164	-23	98	-74	0
	_ Vốn trung ương	32	-9	105	82	116	162	-220	-87	-35	-147	-23	98	-74	0
	_ Vốn địa phương	0	0	0	0	30	0	-10	2	-5	-17	0	0	0	0

Ghi chú: Chương trình cho vay giải quyết việc, nguồn vốn trung ương các đoàn thể quản lý, theo phân bổ của các đoàn thể.

Handwritten signature